

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC,  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/DS-ST  
Ngày 14-9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Văn Dũng.
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1404/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 1484/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn U', sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

2. Bà Trần Thị Hằng N, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U' trình bày: Tháng 8 năm 2013 vợ chồng ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Hằng N có đến đại

lý của ông thỏa thuận mua thực phẩm cho gà, heo theo hình thức mua nợ và hẹn trả nợ đầy đủ mỗi lần xuất bán dù lời hoặc lỗ. Cuối tháng 11 năm 2013 ông bà mua nợ tổng cộng 112.950.000 đồng nhưng chỉ trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 62.950.000 đồng. Ông C, bà N nói mượn lại số tiền này để đầu giá ruộng và làm việc riêng, hẹn 01 tháng sau trả nhưng không trả. Tháng 10 năm 2014 ông bà tiếp tục mua nợ 104.036.000 đồng, trả 67.000.000 đồng, còn nợ 37.036.000 đồng, hẹn mùa sau sẽ trả. Cuối tháng 4 năm 2015 ông bà nợ thêm 28.661.000 đồng. Tổng cộng ông C nợ các đợt là 128.647.000 đồng. Đến ngày 25 tháng 5 năm 2017 âm lịch, ông C có viết giấy nhận nợ của vợ chồng ông số tiền 98.250.000 đồng. Ông C hẹn trong tháng 6 năm 2017 âm lịch sẽ trả 13.000.000 đồng, còn lại mỗi tháng trả 30.000.000 đồng nhưng ông không thực hiện. Tại phiên hòa giải, ông C, bà N cùng vợ chồng ông đã đối chiếu lại và thống nhất số nợ là 98.297.000 đồng. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông C, bà N trả số tiền 98.297.000 đồng cho vợ chồng ông và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 11 tháng 8 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Minh C trình bày: Ông thống nhất ông có mua thực phẩm cho gà của đại lý ông U' và còn nợ vợ chồng ông U', bà T số tiền 98.297.000 đồng như ông U' trình bày. Nay ông đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông thừa nhận ông có viết giấy nhận nợ cho ông U', bà T vào ngày 25 tháng 5 năm 2017 âm lịch như ông U' trình bày nhưng do không có tiền nên ông không trả. Tại phiên tòa, ông thừa nhận có chăn nuôi chung với người khác nhưng tiền nợ mua cám là nợ của riêng ông, không liên quan đến cá nhân nào khác.

Theo bản tự khai ngày 11 tháng 8 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Hằng N trình bày: Chồng bà có chăn nuôi gà với cháu và mua thực phẩm của đại lý ông U', bà T nhưng vì dịch bệnh thua lỗ nên có nợ tiền của vợ chồng ông U' nhưng bà không rõ số tiền bao nhiêu. Nay vợ chồng ông U', bà T yêu cầu trả nợ thì bà đồng ý cùng chồng trả số nợ trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hiện nay bà còn phải trả nhiều khoản nợ khác từ việc chăn nuôi của chồng bà nên không có khả năng trả nợ một lần. Việc ông U' trình bày bà có cùng chồng thực hiện việc mua bán với ông U' là không đúng vì bà đi dạy học, việc chăn nuôi do chồng bà làm bà không tham gia gì trong việc mua bán này.

Theo bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ T trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông U' về việc mua bán nợ và số nợ của vợ chồng ông C, bà N. Bà đã nhiều lần đến nhà ông C, bà N để đòi tiền nhưng ông bà không trả. Theo bà được biết, vợ chồng ông C bà N nhiều lần có bán heo, gà nhưng vẫn không trả tiền cho vợ chồng bà. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông C, bà N trả số tiền trên cho vợ chồng bà và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn U', bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Minh C thực hiện việc mua bán tài sản trong nhiều đợt, từ năm 2013 đến năm 2015 nhưng vì mua bán theo hình thức mua nợ nên lần trả tiền cuối cùng vào ngày 21 tháng 4 năm 2017. Ông C thừa nhận ông có viết giấy nhận nợ cho ông U', bà T vào ngày 25 tháng 5 năm 2017 âm lịch, hẹn tháng 6 năm 2017 âm lịch trả 13.000.000 đồng. Như vậy quyền và lợi ích hợp pháp của ông U', bà T bị xâm phạm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 âm lịch, tương ứng với ngày 22 tháng 8 năm 2017 dương lịch. Đến ngày 16 tháng 7 năm 2020 ông U' khởi kiện. Căn cứ Điều 157, Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, xác định vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn U' khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ việc mua thực phẩm cho gà, heo nên đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Hằng N cư trú tại xã P, huyện, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Hằng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ T vắng mặt nhưng đều có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, bà T theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của ông U', bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Văn U', bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Hằng N thống nhất vợ chồng ông C còn nợ tiền mua thực phẩm của vợ chồng ông U', bà T với tổng số tiền 98.297.000 đồng. Ông U', bà T yêu cầu ông C, bà N cùng trả nợ. Xét thấy ông C mua thực phẩm để chăn nuôi đóng góp vào kinh tế gia đình. Bà N đồng ý cùng chồng trả nợ nên căn Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là nợ chung của ông C, bà N. Ông C, bà N yêu cầu được trả nợ dần với mức 1.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử thấy rằng theo Điều 434 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bên mua phải thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Vì bên mua đã viết giấy nhận nợ vào ngày 25 tháng 5 năm 2017 âm lịch hẹn tháng 6 năm 2017 âm lịch trả 13.000.000 đồng, còn lại mỗi tháng trả 30.000.000 đồng đến khi hết nợ nhưng không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay, ông U', bà T không đồng ý cho ông C, bà N trả nợ dần nên áp dụng Điều 430, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc ông C, bà N trả 01 lần cho vợ chồng ông U', bà T số tiền 98.297.000 đồng như ông U', bà T yêu cầu.

[5] Xét yêu cầu tính lãi: Vợ chồng ông U', bà T yêu cầu trả lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 25 tháng 5 năm 2017 âm lịch và lời khai của các đương sự đều thống nhất các bên có thỏa thuận trong tháng 6 năm 2017 âm lịch ông C, bà N sẽ trả 13.000.000 đồng. Như vậy, thời hạn trả nợ cuối cùng tính từ ngày 30 tháng 6 năm 2017 âm lịch. Nhưng vì ông C, bà N không

thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính từ ngày 01/7/2017 âm lịch, tương ứng ngày 22/8/2017 dương lịch. Số tiền lãi ông C, bà N phải trả cho ông U, bà T là  $98.297.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 3 \text{ năm} = 30.109.000 \text{ đồng}$ .

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Hằng N phải chịu  $(98.297.000 \text{ đồng} + 30.109.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 6.420.000 \text{ đồng}$  án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của ông U được chấp nhận nên ông U không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 157, Điều 357, Điều 429, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

**1.** Buộc vợ chồng ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Hằng N trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị Mỹ T số tiền 128.406.000 (một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn) đồng, trong đó 98.297.000 (chín mươi tám triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn) đồng tiền gốc và 30.109.000 (ba mươi triệu một trăm lẻ chín nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2.** Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Minh C, bà Trần Thị Hằng N phải chịu 6.420.000 (sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn U 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông U đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000710, ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND H. Tuy Phước;
- CCTHADS H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Quyên**